

Số: 16 /NQ - NST

Bắc Ninh, ngày 25 tháng 01 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Họp Hội đồng quản trị phiên thường kỳ Quý I năm 2022

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN NGÂN SƠN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Ngân Sơn được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 27 tháng 04 năm 2021;

Căn cứ các Báo cáo và Tờ trình tại cuộc họp Hội đồng quản trị phiên thường kỳ Quý I ngày 18 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Kết luận cuộc họp Hội đồng quản trị phiên thường kỳ Quý I ngày 18 tháng 01 năm 2022.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất thông qua kết quả SXKD quý IV năm 2021 với các chỉ tiêu chính như sau:

- Sản lượng mua Quý IV đạt 125 tấn bằng 125% kế hoạch;
- Sản lượng SXCN Quý IV đạt 1.718 tấn thành phẩm bằng 96,3% kế hoạch;
- Sản lượng tiêu thụ Quý IV đạt 1.732 tấn bằng 124,2% kế hoạch;
- Doanh thu Quý IV ước đạt 221.000 triệu đồng bằng 121,4% kế hoạch;
- Lợi nhuận trước thuế Quý IV ước đạt 3.150 triệu đồng;

Điều 2. Thống nhất thông qua ước kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 với các chỉ tiêu chính như sau:

Chỉ tiêu	TH 2020	KH năm 2021	Ước TH năm 2021	Tỷ lệ %	
				TH/KH	TH/CKNT
1. Diện tích ĐTTT (ha)	2.130	2.150	2.174	101,1	102,1
2. Sản lượng thu mua (tấn)	5.455	5.980	6.149	102,8	112,7
3. Sản lượng SXCN (tấn TP)	6.755	9.590	11.060	115,3	163,7
- Gia công tách cọng mảnh lá	3.551	4.690	6.212	132,5	174,9
- Gia công chế biến sợi	3.204	4.900	4.848	98,9	151,3
4. Sản lượng tiêu thụ (tấn)	5.859	5.230	5.276	100,9	90,0

Chỉ tiêu	TH 2020	KH năm 2021	Ước TH năm 2021	Tỷ lệ %	
				TH/KH	TH/Ước
- Nguyên liệu lá	660	500	655	131,0	99,2
- Nguyên liệu tách cọng	4.197	3.830	3.960	103,4	94,4
- Thành phẩm sợi thuốc lá	1.002	900	661	73,4	66,0
5. Doanh thu (tr.đ)	640.591	545.000	659.000	120,9	102,8
<i>Trong đó: Xuất khẩu (tr.usd)</i>	<i>2,0</i>	<i>2,0</i>	<i>3,58</i>	<i>179,0</i>	<i>179,0</i>
6. Lợi nhuận trước thuế (tr.đ)	1.224	6.000	8.150	135,8	665,8
- Lợi nhuận SXKD	1.224	6.000	6.800	113,3	555,6
- Lợi nhuận tài chính	-	-	1.350	-	-
7. Thu nhập BQ (Tr.đ/ng/tháng)	8,1	8,5	13,9	163,5	171,6

Điều 3. Thống nhất thông qua kế hoạch SXKD năm 2022, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt như sau:

Chỉ tiêu	KH 2021	UTH 2021	KH 2022	Tỷ lệ %	
				KH22/KH21	KH22/TH21
1. Diện tích ĐT (ha)	2.150	2.174	2.235	104,0	102,8
2. Sản lượng thu mua (tấn)	5.980	6.149	5.700	95,3	92,7
3. Sản lượng SXCN (tấn TP)	9.590	11.060	8.536	89,0	77,2
- Sơ chế tách cọng	4.690	6.212	3.810	81,2	61,3
- Chế biến sợi	4.900	4.848	4.726	96,4	97,5
4. Sản lượng tiêu thụ (tấn)	5.230	5.276	5.170	98,9	98,0
- Nguyên liệu lá	500	655	800	160,0	122,1
- Nguyên liệu tách cọng	3.830	3.960	3.920	102,3	99,0
- Thành phẩm sợi thuốc lá	900	661	450	50,0	63,8
5. Doanh thu (tr.đ)	545.000	659.000	615.000	112,8	93,3
<i>Trong đó: Xuất khẩu (tr.usd)</i>	<i>2,2</i>	<i>3,3</i>	<i>2,17</i>	<i>98,8</i>	<i>60,7</i>
6. Lợi nhuận trước thuế (tr.đ)	6.000	8.150	7.000	116,7	85,9
- Lợi nhuận SXKD	6.000	6.800	7.000	116,7	102,9
- Lợi nhuận tài chính	-	1.350	-	-	-
7. Thu nhập BQ (Tr.đ/ng/tháng)	8,5	13,9	11,8	138,8	85,0


Điều 4. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh quý I năm 2022 với các chỉ tiêu chính như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị Tính	TH Quý I/2021	KH 2022	Ước TH Quý I/2022	Tỷ lệ %	
						So KH	So CK
1	Diện tích đầu tư	Ha	2.174	2.235	2.150	100,0	102,8
2	Sản lượng thu mua	Tấn	751	5.700	100	1,75	13,3
3	Sản lượng SXCN	Tấn TP	1.529	8.536	1.000	11,7	65,4
	- Sơ chế tách cọng mảnh lá	Tấn TP	593	3.810	200	5,2	33,7
	- Gia công chế biến sợi	Tấn TP	936	4.726	800	16,9	85,5
4	Sản lượng tiêu thụ		375	5.170	300	5,8	80,0
	- Nguyên liệu lá	Tấn NL		800	-	-	-
	- Thành phẩm mảnh lá	Tấn TP	200	3.920	250	6,3	125,0
	- Thành phẩm sợi thuốc lá	Tấn TP	175	450	50	11,1	28,6
5	Doanh thu	Tr.đồng	69.500	615.000	48.000	7,8	69,0
6	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	(5.000)	7.000	-	-	-
7	TNBQ theo tiền lương (tr.đ/ng/th)		8,5	11,8	11,8	100,0	138,8

Điều 5. Thống nhất thông qua Tờ trình ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Giám đốc Công ty về việc đề nghị thông qua bộ Định mức kinh tế kỹ thuật năm 2022.

Điều 6. Giao Giám đốc Công ty và các tổ chức, cá nhân liên quan thực hiện Nghị quyết này theo đúng các quy định hiện hành./.

Nơi nhận: 

- Các cổ đông; 
- UBCKNN;
- Sở GD&ĐT HN;
- TCty TLVN;
- Đảng ủy Công ty;
- TV HĐQT, TV BKS;
- Ban Giám đốc;
- BCH CĐ; BCH Đoàn TN Công ty;
- Các Phòng chuyên môn, Phân xưởng, Chi nhánh NL;
- Lưu: VT, TK.HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Nam Giang